TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2099/2026/DS-ST
Ngày: 09 - 6 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Khanh
2. Bà Lê Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Loan - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1166/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 588/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn là ông Phạm Ngọc D, sinh năm: 1972, căn cước công dân: 049072002690; địa chỉ: Khu phố B, xã T, Thành phố Đà Nẵng; Người đại diện hợp pháp là ông Đồng Vũ Trường A, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng - đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 23 tháng 7 năm 2025) (có đơn đề nghị vắng mặt);

Bị đơn là bà Đoàn Thị Hồng T, sinh năm 1974, căn cước công dân: 022174000882; địa chỉ: 1 đường Đ, phường T (trước đây Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Quốc T1, sinh năm: 1987, căn cước công dân: 060187010314, địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng (có đơn đề nghị vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23 tháng 10 năm 2024, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 3.700.000.000 đồng, trong đó 1.300.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng và 2.400.000.000 đồng không tính lãi, thời hạn cho vay là sáu tháng. Đến hạn, bị đơn không trả tiền lãi và tiền nợ gốc nên ngày 29 tháng 7 năm 2025, nguyên đơn đã có văn bản thông báo về việc trả nợ và khởi kiện đối với bị đơn nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 3.700.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi của số tiền 1.300.000.000 đồng, tính từ ngày 23 tháng 10 năm 2024 cho đến khi Tòa án xét xử vụ kiện. Đối với số tiền 2.400.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bị đơn còn tiếp tục trả lãi cho đến khi thi hành xong bản án. Yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khi vay tiền, bị đơn có thế chấp cho nguyên đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009975 ngày 11/8/2008, cập nhật biến động tên bà Đoàn Thị Hồng T vào ngày 04/7/2018. Đối với giao dịch thế chấp này, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành thủ tục đăng báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về thời gian bị đơn có mặt tại Tòa án, nhưng bị đơn vẫn không có mặt và không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Quốc T1 trình bày: Bị đơn vay của chồng bà số tiền 3.700.000.000 (ba tỷ, bảy trăm triệu) đồng vào ngày 23 tháng 10 năm 2024 trong đó 1.300.000.000 đồng đôi bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, còn số tiền 2.400.000.000 đồng không tính lãi. Thời hạn trả là ngày 23 tháng 4 năm 2025 nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả lãi và tiền nợ gốc. Số tiền nêu trên là tài sản riêng của chồng bà, nên bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

1.Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với người đại diện từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 80, 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc D, buộc bà Đoàn Thị Hồng T thanh toán cho ông Phạm Ngọc D nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, bao gồm 1.300.000.000 đồng (cho vay có lãi suất) và 2.400.000.000 đồng (cho vay không có lãi suất); tiền lãi trong hạn tính trên số tiền 1.300.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,5%/tháng trong thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 23/10/2014 đến ngày 23/4/2015); tiền lãi quá hạn tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bà T chưa thanh toán xong khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Căn cứ giấy vay tiền ngày 23 tháng 10 năm 2024, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 3.700.000.000 đồng. Thời hạn trả khoản vay nêu trên là sáu tháng, đến nay đã hết thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Qúa trình giải quyết

vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo triệu tập đối với bị đơn trên báo, đài, nhưng bị đơn vẫn không có mặt và cũng không nộp cho Tòa án bất kỳ chứng cứ nào có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015, buộc bị đơn phải trả số tiền vay theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền vay 3.700.000.000 đồng, tính từ ngày 23 tháng 10 năm 2024 đến ngày Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Xét thấy: Giấy vay tiền ngày 23 tháng 10 năm 2024 đôi bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền 1.300.000.000 đồng. Còn số tiền 2.400.000.000 đồng không có lãi. Vì vậy, tiền lãi được tính như sau:

** Tiền lãi của số tiền 1.300.000.000 đồng*:

- Lãi trong hạn: 1.300.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 6 tháng = 117.000.000 đồng

-Tiền lãi của số tiền lãi trong hạn (117.000.000 đồng) chậm trả: 117.000.000 đồng x (10% :12) x 13 tháng 17 ngày = 13.227.500 đồng

- Tiền lãi đối với số tiền vốn vay quá hạn: 1.300.000.000 đồng x (27% :12) x 13 tháng 17 ngày = 396.825.000 đồng

Tổng số tiền lãi phải trả: 117.000.000 đồng + 13.227.500 đồng + 396.825.000 đồng = 527.052.500 đồng

** Tiền lãi của số tiền 2.400.000.000 đồng*: 2.400.000.000 đồng x (10% :12) x 13 tháng 17 ngày = 271.333.333 đồng

Tổng số tiền lãi: 527.052.500 đồng + 271.333.333 đồng = 798.385.833 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là: 3.700.000.000 đồng + 798.385.833 đồng = 4.498.385.833 đồng

[3.3] Nguyên đơn trình bày khi vay tiền, bị đơn có thế chấp cho nguyên đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009975 ngày 11 tháng 8 năm 2008, cập nhật biến động tên bà Đoàn Thị Hồng T vào ngày 04 tháng 7 năm 2018. Đối với giao dịch thế chấp này, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3.4] Về thời gian trả nợ: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ và thời hạn thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên phải thanh toán làm một lần số tiền còn thiếu cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định

của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 112.000.000 đồng + 0,1% (4.498.385.833 - 4.000.000.000 đồng) = 112.498.385,833 làm tròn 112.498.386 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Ngọc D; buộc bà Đoàn Thị Hồng T phải trả cho ông Phạm Ngọc D số tiền 4.498.385.833 đồng (bốn tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, ba trăm tám mươi lăm ngàn, tám trăm ba mươi ba) đồng theo giấy vay tiền ngày 23 tháng 10 năm 2024, trong đó nợ gốc: 3.700.000.000 đồng, nợ lãi: 798.385.833 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Đoàn Thị Hồng T phải chịu án phí là 112.498.386 (một trăm mười hai triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn, ba trăm tám mươi sáu) đồng.

Ông Phạm Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông Phạm Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.012.000 (năm mươi sáu triệu, không trăm mười hai ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013545 ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi

hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Nơi nhận: **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Viện kiểm sát ND khu vực 5-TPHCM;
- Thi hành án dân sự TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Linh Phượng